| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **11**/2019/HNGĐ-PT<br>Ngày 16-4-2019 | |
| V/v tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con | |

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Thăng
*Các Thẩm phán*: Ông Vũ Thế Phương
Bà Phạm Thị Xuân Đào

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con",

Do bản án sơ thẩm số 102/2018/HNGĐ-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1984.
Địa chỉ thường trú: Tổ 20, phường K, thị xã T, thành phố Hà Nội.
Địa chỉ tạm trú: chung cư A, Tòa nhà A1, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982.
Địa chỉ thường trú: Xóm D, xã M, thị xã H, tỉnh Nghệ An.
Địa chỉ tạm trú: khu nhà ở xã hội I, ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- *Người kháng cáo:* Chị Phạm Thị Ngọc T – nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn – chị Phạm Thị Ngọc T, trình bày:*

Chị T và anh B đã ly hôn vào ngày 04/4/2018 theo Quyết định thuận tình ly hôn số 109/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện T. Tại quyết định

thuận tình ly hôn, chị và anh B thống nhất giao 02 con chung là cháu P, sinh ngày 11/7/2009 và cháu D, sinh ngày 27/10/2013 cho anh B chăm sóc nuôi dưỡng.

Lý do chị T đồng ý giao 02 con cho anh B nuôi là vì anh B nhiều lần đánh đập chị. Anh B lấy con ra để đe dọa và chỉ đồng ý ly hôn khi chị giao con cho anh B nuôi.

Một thời gian sau, qua mấy lần gặp con chị T nghe con kể anh B có đánh con nên chị nghĩ anh B nuôi con không được tốt. Đồng thời, anh B phải đi làm nên không có thời gian chăm sóc cả 02 con.

Cháu P bị mắc chứng tăng động giảm chú ý nên trong cách nuôi dạy không được quát mắng. Đối với cháu D là cháu gái, thời gian này cháu cần có mẹ quan tâm để phát triển được bình thường.

Nay chị T khởi kiện, yêu cầu được nuôi cháu D, sinh năm 2013, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

*Bị đơn - anh Nguyễn Văn B, trình bày:*

Anh B và chị T ly hôn vào ngày 04/4/2018 theo Quyết định thuận tình ly hôn số 109/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện T. Tại quyết định thuận tình ly hôn, chị T đồng ý giao 02 con chung là cháu P, sinh ngày 11/7/2009 và cháu D, sinh ngày 27/10/2013 cho anh chăm sóc nuôi dưỡng.

Từ khi ly hôn cho đến nay, anh B nuôi con tốt, hiện cháu D học trường mầm non V tại khu nhà ở xã hội, cháu P thì học tại Trường tiểu học T. Anh B được biết chị T đang sống với một người đàng ông khác, người đó có con trai riêng khoảng 7 tuổi. Anh B không cản trở việc chị T thăm nom, chăm sóc con.

Anh B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T.

*Tại Bản án sơ thẩm số 102/2018/HNGĐ-ST ngày 22/10/2018, Tòa án nhân dân huyện T quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Phạm Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn B. Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

*Ngày 31/10/2018, chị Phạm Thị Ngọc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:*

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao cho chị T được nuôi con chung là cháu D.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ. Kháng cáo của chị T không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Theo quy định của pháp luật, sau khi ly hôn, cha và mẹ đều có quyền, đồng thời là nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc đối với con chưa thành niên đến khi các cháu trưởng thành. Chị T và anh B có hai con chung, việc chị T có nguyện vọng được nuôi một cháu là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng người và nhằm mục đích tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu bé.

Trong vụ án này, khi thuận tình ly hôn với anh B, chị T đã đồng ý giao cả hai con chung là cháu P và cháu D cho anh B nuôi dưỡng. Hai cháu đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Hiện các cháu được đi học và phát triển bình thường, anh B có việc làm ổn định, vẫn đủ khả năng nuôi dưỡng chăm sóc hai con, việc chia tách hai cháu ra sống hai nơi có thể sẽ gây hẫng hụt tình cảm cho các cháu là điều nên tránh.

Trong khi đó, sau khi ly hôn anh B, chị T đã kết hôn với anh T1. Hiện chị T đang mang thai chuẩn bị sinh. Anh T1 có một con trai riêng với người vợ trước được khoảng 7 tuổi.

Chị T cho rằng anh B chăm sóc con không tốt và cản trở việc chị thăm con chung nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ. Kháng cáo của chị T không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, chị T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 102/2018/HNGĐ-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T:

Căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Phạm Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn B.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003707 ngày 21/5/2018 và biên lai thu số 004348 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị T đã nộp xong án phí phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. T;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thăng**